

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 49/2008/QĐ-BCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

BAN HÀNH QUY CHẾ CUNG CẤP TRỰC TUYẾN CÁC DỊCH VỤ CÔNG DO BỘ CÔNG THƯƠNG QUẢN LÝ

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 94/2006/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 222/2005/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2006 - 2010;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin và Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Cung cấp trực tuyến các dịch vụ công do Bộ Công Thương quản lý.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Cục trưởng Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Danh Vĩnh

- Các Sở Công Thương;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Bộ Công Thương: Bộ trưởng, các Thứ trưởng; các đơn vị thuộc Bộ;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, TMĐT.

QUY CHẾ

CUNG CẤP TRỰC TUYẾN CÁC DỊCH VỤ CÔNG DO BỘ CÔNG THƯƠNG QUẢN LÝ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nội dung, nguyên tắc xây dựng kế hoạch và quy trình tổ chức thực hiện cung cấp trực tuyến các dịch vụ công do Bộ Công Thương quản lý theo Danh mục tại Phụ lục 1 của Quy chế này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị thuộc Bộ Công Thương, các tổ chức được Bộ Công Thương phân cấp hoặc ủy quyền cung cấp các dịch vụ công, các tổ chức và cá nhân liên quan tới việc cung cấp và sử dụng các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dịch vụ công do Bộ Công Thương quản lý* là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, không nhằm mục tiêu lợi nhuận, do Bộ Công Thương hoặc các tổ chức được Bộ Công Thương phân cấp, ủy quyền cấp cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức văn bản có giá trị pháp lý trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương hoặc hỗ trợ cho hoạt động của doanh nghiệp và người dân.

2. *Cung cấp trực tuyến dịch vụ công* là việc ứng dụng môi trường mạng máy tính điện tử để cung cấp một phần hoặc toàn bộ dịch vụ công, bao gồm thông tin về quy trình, thủ tục, biểu mẫu, tiếp nhận hồ sơ, xử lý hồ sơ, thông báo kết quả và các văn bản liên quan tới dịch vụ công đó.

3. *Văn bản điện tử* là chứng từ, biểu mẫu, hồ sơ, giấy phép, giấy chứng nhận và các tài liệu khác ở dạng thông điệp dữ liệu.

Chương II

VĂN BẢN ĐIỆN TỬ TRONG HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP TRỰC TUYẾN DỊCH VỤ CÔNG

Điều 4. Giá trị pháp lý của văn bản điện tử

Trong hoạt động cung cấp trực tuyến các dịch vụ công, văn bản điện tử có giá trị pháp lý như văn bản nếu thông tin chứa trong văn bản điện tử đó có thể truy cập được để sử dụng khi cần thiết và thỏa mãn các quy định cụ thể của từng dịch vụ công trực tuyến.

Điều 5. Thời điểm gửi, nhận văn bản điện tử

1. Thời điểm gửi một văn bản điện tử là thời điểm văn bản điện tử đó rời khỏi hệ thống thông tin dưới sự kiểm soát của người khởi tạo hay của bên đại diện cho người khởi tạo. Trong trường hợp văn bản điện tử không rời khỏi hệ thống thông tin dưới sự kiểm soát của người khởi tạo hay của bên đại diện cho người khởi tạo, thời điểm gửi là thời điểm nhận được văn bản điện tử.

2. Thời điểm nhận một văn bản điện tử là thời điểm người nhận có thể truy cập được văn bản điện tử đó tại một địa chỉ điện tử do người nhận chỉ ra. Thời điểm nhận một văn bản điện tử ở địa chỉ điện tử khác của người nhận là thời điểm người nhận có thể truy cập được chứng từ điện tử tại địa chỉ này và người nhận biết rõ văn bản điện tử đã được gửi tới địa chỉ này.

Người nhận được coi là có thể truy cập được một văn bản điện tử khi văn bản điện tử đó tới được địa chỉ điện tử của người nhận.

Điều 6. Địa điểm gửi, nhận văn bản điện tử

Trừ khi có quy định khác tại từng dịch vụ công trực tuyến, địa điểm gửi và nhận văn bản điện tử của các đơn vị thuộc Bộ Công Thương là trụ sở chính của Bộ tại số 54 Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điều 7. Tiếp nhận và lưu trữ văn bản điện tử

1. Văn bản điện tử gửi đến Bộ Công Thương phải được sao lưu trong hệ thống lưu trữ điện tử.

2. Việc sao lưu hoặc các biện pháp tiếp nhận khác phải chỉ ra được thời gian gửi và nhận văn bản điện tử.

3. Văn bản điện tử của cơ quan nhà nước phải được đưa vào hồ sơ lưu trữ theo cách bảo đảm tính xác thực, an toàn và khả năng truy nhập văn bản điện tử đó.

Điều 8. Xây dựng thống nhất văn bản điện tử

Các đơn vị chủ trì quản lý, cung cấp các dịch vụ công phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin xây dựng văn bản điện tử sử dụng trong hoạt động cung cấp các dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công Thương. Các văn bản điện tử này phải tuân theo các quy định của pháp luật và đáp ứng các yêu cầu sau đây:

1. Thông tin đơn giản, dễ hiểu, không chồng chéo và phù hợp với quy trình công việc liên quan.

2. Khuôn dạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định để dễ dàng tải xuống, hiển thị và in ấn bằng các phương tiện điện tử phổ biến.

3. Thông tin có sẵn trong cơ sở dữ liệu được khai thác để giảm việc nhập lại.

Chương III

NỘI DUNG VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP TRỰC TUYẾN DỊCH VỤ CÔNG

Điều 9. Xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin

Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin có trách nhiệm đầu tư xây dựng, khai thác, duy trì và nâng cấp cơ sở hạ tầng thông tin và môi trường mạng của Bộ Công Thương theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định của Nhà nước.

Điều 10. Bảo đảm tương thích về công nghệ

1. Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin chủ trì xây dựng và ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử sử dụng trong việc cung cấp trực tuyến các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Quy chuẩn này phải hỗ trợ cho việc trao đổi dữ liệu điện tử quốc tế.

2. Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và ban hành các quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin số và các hệ thống thông tin số trong hoạt động cung cấp trực tuyến các dịch vụ công.

3. Tổ chức được Bộ Công Thương uỷ quyền cung cấp các dịch vụ công trực tuyến phải áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với thông tin được trao đổi giữa hệ thống thông tin của tổ chức đó với hệ thống thông tin của Bộ Công Thương.

Điều 11. Phổ biến và hướng dẫn sử dụng các dịch vụ công trực tuyến

Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với các đơn vị có trách nhiệm:

1. Công bố danh mục, lộ trình cung cấp các dịch vụ công trên môi trường mạng.
2. Hướng dẫn các đối tượng sử dụng dịch vụ công về pháp lý, công nghệ, kỹ năng và các điều kiện khác để các đối tượng này tham gia thành công các dịch vụ công trực tuyến do Bộ Công Thương quản lý và cung cấp.
3. Thực hiện việc tuyên truyền, quảng bá để thu hút các tổ chức, cá nhân ủng hộ và tham gia các dịch vụ công trực tuyến.

Điều 12. Bảo vệ thông tin cá nhân

1. Các đơn vị thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân trong hoạt động cung cấp trực tuyến dịch vụ công phải thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Luật Công nghệ thông tin và các quy định pháp luật liên quan tới bảo vệ thông tin cá nhân.

2. Các biện pháp bảo vệ thông tin cá nhân bao gồm: thông báo mục đích sử dụng thông tin cá nhân, giám sát quá trình xử lý thông tin cá nhân, ban hành thủ tục kiểm tra, đình chính hoặc huỷ bỏ thông tin cá nhân và các biện pháp kỹ thuật khác.

3. Các đơn vị nắm giữ thông tin thuộc bí mật cá nhân phải có trách nhiệm bảo vệ những thông tin đó và chỉ được phép cung cấp, chia sẻ cho bên thứ ba có thẩm quyền trong những trường hợp phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 13. Bảo vệ bí mật kinh doanh

Các đơn vị nắm giữ bí mật kinh doanh của các tổ chức, cá nhân liên quan tới hoạt động cung cấp trực tuyến dịch vụ công có trách nhiệm bảo vệ những thông tin đó theo quy định của pháp luật.

Chương IV

XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH CUNG CẤP TRỰC TUYẾN DỊCH VỤ CÔNG

Điều 14. Xây dựng và phê duyệt kế hoạch cung cấp trực tuyến dịch vụ công

Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin và Văn phòng Bộ xây dựng kế hoạch cung cấp trực tuyến các dịch vụ công do đơn vị quản lý hoặc trực tiếp cung cấp và xin ý kiến thẩm định theo quy định tại Điều 17 của Quy chế này.

Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin phối hợp với Văn phòng Bộ tổng hợp kế hoạch của các đơn vị trình Bộ trưởng phê duyệt.

Thời gian xây dựng, thẩm định và trình duyệt kế hoạch cung cấp trực tuyến dịch vụ công thực hiện theo Phụ lục 2 của Quy chế này.

Điều 15. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch cung cấp trực tuyến dịch vụ công

1. Phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam về thuận lợi hóa thương mại và thương mại phi giấy tờ.

2. Phù hợp với chủ trương, chính sách phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin của Nhà nước; chiến lược, quy hoạch phát triển công nghệ thông tin và thương mại điện tử trên phạm vi quốc gia và ngành công thương.

3. Phù hợp với các chương trình, đề án cải cách hành chính trên phạm vi quốc gia và ngành công thương.

Điều 16. Nội dung cơ bản của kế hoạch cung cấp trực tuyến dịch vụ công

1. Danh mục các dịch vụ công do đơn vị quản lý hoặc trực tiếp cung cấp.

2. Sự cần thiết: nêu rõ tình hình cung cấp từng dịch vụ công và sự cần thiết phải cung cấp trực tuyến dịch vụ công đó.

3. Mục tiêu: nêu những mục tiêu của việc cung cấp trực tuyến từng dịch vụ công, bao gồm mục tiêu về công khai minh bạch, giảm chi phí cho các đối tượng sử dụng dịch vụ công, giảm bớt đầu mối trung gian, tạo lập cơ sở dữ liệu liên quan.

4. Nội dung và tiến độ: xác định rõ nội dung công việc cần thực hiện và tiến độ thực hiện.

5. Dự toán kinh phí: xác định kinh phí cho việc cung cấp trực tuyến từng dịch vụ công, bao gồm kinh phí đầu tư ban đầu và kinh phí vận hành hàng năm; phân rõ cơ cấu nguồn: kinh phí đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước, kinh phí hành chính sự nghiệp, kinh phí đóng góp của đối tượng thụ hưởng và các nguồn khác.

6. Tổ chức thực hiện: nêu phương án tổ chức thực hiện; đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, đối tượng thụ hưởng, địa điểm thực hiện.

7. Hiệu quả: nêu rõ hiệu quả về kinh tế và xã hội, những lợi ích có được như rút ngắn thời gian cung cấp, giảm chi phí cho đối tượng sử dụng, cơ sở dữ liệu được cập nhật một cách nhanh chóng, đầy đủ và chính xác.

Điều 17. Quy trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch

1. Thẩm định về thủ tục hành chính và công nghệ

a) Văn phòng Bộ thẩm định về sự phù hợp với các chính sách, chương trình, đề án cải cách hành chính của nhà nước và của Bộ Công Thương;

b) Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin thẩm định sự phù hợp với chính sách, chiến lược, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

2. Thẩm định về đầu tư và kinh phí

a) Vụ Kế hoạch thẩm định sự phù hợp của kế hoạch với hoạt động đầu tư phát triển của Bộ và kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước chi cho đầu tư phát triển;

b) Vụ Tài chính thẩm định về sự phù hợp của kế hoạch với kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước chi cho hoạt động hành chính sự nghiệp.

3. Phê duyệt kế hoạch

Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin phối hợp với Văn phòng Bộ tổng hợp kế hoạch của các đơn vị trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, phê duyệt.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp cùng Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và Văn phòng Bộ hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này và tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương.

2. Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương có chức năng quản lý và cung cấp dịch vụ công chủ trì, phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai cung cấp trực tuyến dịch vụ công theo kế hoạch đã được phê duyệt.

3. Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin tổng hợp các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện, báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế./.

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC CÁC DỊCH VỤ CÔNG DO BỘ CÔNG THƯƠNG QUẢN LÝ

(kèm theo Quyết định số 49 /2008/QĐ-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Tên Dịch vụ/Thủ tục	Căn cứ pháp lý
	Cục Quản lý cạnh tranh	
1	Thủ tục khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Luật dân sự sửa đổi năm 2005; - Pháp lệnh số 13/1999/PL-UBTVQH ngày 27 tháng 4 năm 1999 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; - Nghị định 55/2008/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
	Cục Xúc tiến thương mại	
2	Quy trình thực hiện xem xét và chấp thuận cho thương nhân tổ chức khuyến mại	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thương mại năm 2005; - Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại và các quy định pháp luật hiện hành về hoạt động khuyến mại; - Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2007 của liên Bộ Thương mại – Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại quy định tại Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.
3	Quy trình thực hiện phê duyệt, thẩm định các chương trình xúc tiến thương mại quốc gia	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định số 279/2005/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế xây dựng và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia giai đoạn 2006-2010; - Quyết định số 12/2006/QĐ-BTM ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Bộ Thương mại về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng thẩm định Chương trình

		xúc tiến thương mại quốc gia giai đoạn 2006-2010.
4	Quy trình thực hiện đăng ký tổ chức hội chợ triển lãm ở nước ngoài	<p>- Luật Thương mại năm 2005;</p> <p>- Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2007 của liên Bộ Thương mại – Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại quy định tại Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.</p>
	Cục Điều tiết điện lực	
5	Giấy phép hoạt động điện lực	<p>- Luật Điện lực năm 2004;</p> <p>- Nghị định số 105/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực;</p> <p>- Quyết định số 32/2006/QĐ-BCN ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về điều kiện, trình tự và thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và quản lý sử dụng Giấy phép hoạt động điện lực.</p>
	Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp	
6	Cấp Giấy phép kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	<p>- Nghị định số 27/1995/ NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 1995 của Chính phủ về quản lý sản xuất, cung ứng và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 02/2005/TT-BCN ngày 29 tháng 3 năm 2005 của Bộ Công nghiệp hướng dẫn quản lý, sản xuất, kinh doanh cung ứng và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.</p>
7	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai	<p>- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện;</p> <p>- Quyết định số 36/2006/QĐ-BCN ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quy chế quản lý kỹ thuật an toàn về nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai.</p>
	Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin	
8	Thông tin về thị trường nước ngoài hỗ trợ doanh nghiệp trong nước đẩy mạnh xuất	- Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công

	khẩu	Thương; - Quyết định số 4812/QĐ-BCT ngày 03 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chế quản lý và vận hành Cổng thông tin Thị trường nước ngoài.
9	Thông tin về sản phẩm và dịch vụ, hỗ trợ quảng bá doanh nghiệp và sản phẩm với các đối tác nước ngoài	- Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương.
10	Hệ thống chữ ký số và chứng thực chữ ký số	- Luật Giao dịch điện tử năm 2005; - Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; - Quyết định số 40/2008/QĐ-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2008 của Bộ Công Thương về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của Bộ Công Thương.
	Vụ Xuất nhập khẩu	
11	Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu	Nghị định số 55/2007/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
12	Giấy phép tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu đối với mặt hàng cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu	- Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài; - Thông tư số 04/2006/TT-BTM ngày 06 tháng 4 năm 2006 của Bộ Thương mại hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số 12/2006/NĐ-CP.
13	Giấy phép nhập khẩu thuốc lá điều, xì gà phục vụ kinh doanh miễn thuế	- Quyết định số 205/1998/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Cửa hàng kinh doanh miễn thuế; - Thông tư số 21/1998/TT-BTM ngày 24 tháng 12 năm 1998 của Bộ Thương mại hướng dẫn cấp giấy phép nhập khẩu thuốc lá phục vụ kinh doanh tại các cửa hàng miễn thuế.
14	Phân giao hạn mức tối thiểu nhập khẩu xăng dầu	Nghị định số 55/2007/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
15	Giấy phép tạm nhập tái xuất đối với mặt hàng tinh dầu xá xị	- Công ước năm 1988 của Liên Hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần; - Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm

		<p>2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;</p> <p>- Thông tư số 04/2006/TT-BTM ngày 06 tháng 4 năm 2006 của Bộ Thương mại hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số 12/2006/NĐ-CP;</p> <p>- Công văn số 1605/VPCP-KTTH ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Văn phòng Chính phủ về quản lý hàng tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu;</p> <p>- Quyết định số 24/2006/QĐ-BTM ngày 15 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Thương mại quy định việc tạm nhập tái xuất tinh dầu xá xị phải có giấy phép của Bộ Thương mại.</p>
16	Giấy phép nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng Ô-zôn	<p>Thông tư liên tịch số 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT ngày 11 ngày 7 năm 2005 của liên Bộ Thương mại - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn quản lý nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất các chất làm suy giảm tầng Ô-zôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng Ô-zôn.</p>
17	Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan đối với các mặt hàng đường, muối, nguyên liệu thuốc lá, trứng gia cầm	<p>- Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;</p> <p>- Thông tư số 04/2006/TT-BTM ngày 06 tháng 4 năm 2006 của Bộ Thương mại hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số 12/2006/NĐ-CP;</p> <p>- Quyết định công bố lượng hạn ngạch thuế quan hàng năm của Bộ trưởng Bộ Công Thương.</p>
18	Giấy phép nhập khẩu súng đạn thể thao	<p>- Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;</p> <p>- Thông tư số 04/2006/TT-BTM ngày 06 tháng 4 năm 2006 của Bộ Thương mại hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số 12/2006/NĐ-CP.</p>
19	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế	<p>- Quyết định số 205/1998/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Cửa hàng kinh doanh miễn thuế;</p> <p>- Thông tư số 21/1998/TT-BTM ngày 24 tháng 12 năm 1998 của Bộ Thương mại hướng dẫn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế cho các</p>

		doanh nghiệp.
20	Giấy phép nhập khẩu gỗ có nguồn gốc Campuchia	<p>- Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 1 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài</p> <p>- Thông tư số 04/2006/TT-BTM ngày 06 tháng 4 năm 2006 của Bộ Thương mại hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số 12/2006/NĐ-CP.</p>
21	Quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử	<p>- Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa;</p> <p>- Thông tư số 07/2006/TT-BTM ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Bộ Thương mại hướng dẫn thủ tục cấp và quản lý việc cấp Giấy chứng nhận xuất xứ theo Nghị định số 19/2006/NĐ-CP.</p>
22	Giấy phép nhập khẩu tự động	<p>- Luật Thương mại năm 2005;</p> <p>- Quyết định số 24/2008/QĐ-BCT ngày 01 tháng 8 năm 2008 của Bộ Công Thương về việc áp dụng chế độ cấp giấy phép nhập khẩu tự động đối với một số mặt hàng;</p> <p>- Thông tư số 17/2008/TT-BCT ngày 12 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thực hiện việc áp dụng chế độ cấp giấy phép nhập khẩu tự động đối với một số mặt hàng.</p>
	Vụ Thị trường trong nước	
23	Giấy phép kinh doanh thuốc lá	<p>- Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá;</p> <p>- Thông tư số 14/2008/TT-BCT ngày 25 tháng 11 năm 2008 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số qui định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP.</p>
24	Giấy phép kinh doanh rượu	<p>- Nghị định số 40/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;</p> <p>- Thông tư số 10/2008/TT-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 40/2008/NĐ-CP</p>
25	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu	Nghị định số 55/2007/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
26	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí đốt hóa	Thông tư số 15/1999/TT-BTM ngày 19 tháng 5 năm 1999 của Bộ Thương mại hướng dẫn kinh doanh khí

	lồng	đốt hóa lồng.
27	Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa	- Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa.
	Vụ Kế hoạch	
28	Cấp phép thành lập chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- Luật Thương mại năm 2005; - Nghị định số 72/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về văn phòng đại diện chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 11/2006/TT-BTM ngày 28 tháng 9 năm 2006 của Bộ Thương mại hướng dẫn thi hành Nghị định số 72/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.
29	Phê duyệt kế hoạch nhập khẩu thành phẩm để tiếp thị của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	- Luật Đầu tư năm 2005.
30	Phê duyệt kế hoạch nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất máy móc, vật tư thiết bị của nhà thầu nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam	- Luật Đầu tư năm 2005; - Quyết định số 87/2004/QĐ-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam.
31	Cấp giấy phép nhượng quyền thương mại giữa thương nhân nước ngoài và thương nhân Việt Nam	- Luật Đầu tư năm 2005; - Nghị định số 35/2006/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động nhượng quyền thương mại; - Thông tư số 09/2006/TT-BTM ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Thương mại hướng dẫn Nghị định số 35/2006/NĐ-CP.
	Vụ Công nghiệp nhẹ	
32	Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá	- Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất kinh doanh thuốc lá.
33	Giấy phép sản xuất rượu	- Nghị định số 40/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh rượu; - Thông tư số 10/2008/TT-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2008 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 40/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

34	Giấy chứng nhận đủ điều kiện đăng ký chế biến nguyên liệu thuốc lá	<p>- Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất kinh doanh thuốc lá;</p> <p>- Thông tư số 01/2007/TT-BCT ngày 30 tháng 8 năm 2007 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá.</p>
	Vụ Hợp tác Quốc tế	
35	Cấp phép xuất nhập khẩu hóa chất Bàng	<p>- Nghị định số 100/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng vũ khí hóa học;</p> <p>- Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;</p> <p>- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết luật thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện;</p>
36	Cấp văn bản chấp thuận đầu tư cơ sở hoá chất Bàng	<p>- Nghị định số 68/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20 tháng 5 năm 2005 về an toàn hóa chất;</p> <p>- Thông tư số 01/2006/TT-BCN ngày 11 tháng 4 năm 2006 của Bộ Công nghiệp hướng dẫn quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất độc và sản phẩm có hóa chất độc hại, tiền chất ma túy, hóa chất theo tiêu chuẩn kỹ thuật thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Công nghiệp.</p>
	Vụ Công nghiệp nặng	
37	Cấp Giấy phép xuất, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp và Nitrat Amôn (NH ₄ NO ₃)	<p>- Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;</p> <p>- Thông tư số 03/2006/TT-BCN ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Bộ Công nghiệp hướng dẫn xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp và Nitrat Amôn hàm lượng cao.</p>
38	Phê duyệt hạn ngạch xuất, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp và Nitrat Amôn (NH ₄ NO ₃)	<p>- Nghị định số 47/1996/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 1996 của Chính phủ về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;</p> <p>- Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế</p>

		<p>và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;</p> <p>- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.</p>
39	Thẩm định thiết kế cơ sở của Dự án nhóm A	<p>- Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;</p> <p>- Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;</p> <p>- Thông tư số 02/2007/TT-BXD ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về: lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; giấy phép xây dựng và tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 03/2007/TT-BCN ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Bộ Công nghiệp hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản rắn.</p>
40	Hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản	<p>- Luật Khoáng sản năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản năm 2005;</p> <p>- Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;</p> <p>- Thông tư số 08/2008/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2008 của Bộ Công Thương hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản.</p>
41	Cấp Giấy phép xuất nhập khẩu tiền chất sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp	<p>- Luật Phòng, chống ma túy năm 2000;</p> <p>- Các Nghị định của Chính phủ số 67/2001/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2001; số 133/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2003 ban hành các danh mục chất ma túy và tiền chất; số 80/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2001 và số 58/2003/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định về kiểm soát nhập khẩu, xuất khẩu, vận chuyển quá cảnh lãnh thổ Việt Nam chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần;</p>

		<p>- Quyết định số 134/2003/QĐ-BCN ngày 25 tháng 8 năm 2003 của Bộ Công nghiệp về việc ban hành Danh mục và Quy chế quản lý tiền chất sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp, Quyết định số 04/2004/QĐ-BCN ngày 07 tháng 01 năm 2004 của Bộ Công nghiệp về việc bổ sung một số chất vào danh mục tiền chất sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp ban hành theo Quyết định số 134/2003/QĐ-BCN ngày 25 tháng 8 năm 2003 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 41/2006/QĐ-BCN ngày 01 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp về Quy chế quản lý tiền chất sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp ban hành, để sửa đổi Điều 6, khoản d Điều 8 của Quy chế quản lý tiền chất sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp.</p>
--	--	--

PHỤ LỤC 2

THỜI GIAN XÂY DỰNG VÀ THẨM ĐỊNH KẾ HOẠCH CUNG CẤP TRỰC TUYẾN CÁC DỊCH VỤ CÔNG

(kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Nội dung công việc	Đơn vị triển khai	Thời gian hoàn thành
1	Xây dựng kế hoạch cung cấp trực tuyến các dịch vụ công theo danh mục tại Phụ lục 1 cho toàn bộ giai đoạn 2009 – 2010	Các đơn vị quản lý và cung cấp các dịch vụ công theo Phụ lục 1	Trước ngày 31 tháng 3 năm 2009
2	Thẩm định kế hoạch cung cấp trực tuyến các dịch vụ công	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng Bộ - Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin - Vụ Kế hoạch - Vụ Tài chính 	Trước ngày 31 tháng 5 năm 2009
3	Tổng hợp kế hoạch của tất cả các đơn vị trình Bộ trưởng	<ul style="list-style-type: none"> - Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin - Văn phòng Bộ 	Trước ngày 30 tháng 6 năm 2009